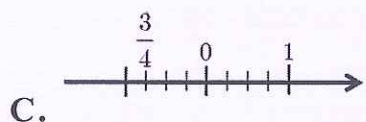
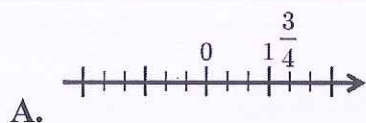


I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm). Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1. Số đối của $-\frac{2}{3}$ là

- A. $\frac{3}{2}$. B. $-\frac{3}{2}$. C. $-\frac{2}{3}$. D. $\frac{2}{3}$.

Câu 2. Cách biểu diễn số $\frac{3}{4}$ trên trục số nào dưới đây đúng?



Câu 3. Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là:

- A. $\mathbb{N}$. B. $\mathbb{Z}$. C. $\mathbb{R}$. D. $\mathbb{Q}$.

Câu 4. Giá trị của $(3^2)^2$ bằng

- A. 12. B. 18. C. 81. D. 36.

Câu 5. Số không phải số hữu tỉ là

- A. 1,5. B. $-\frac{3}{0}$. C. $3\frac{5}{8}$. D. $-\frac{5}{9}$.

Câu 6. Chọn khẳng định **đúng** về quy tắc chuyển vế đối với số hữu tỉ:

A. Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức thì ta giữ nguyên dấu của số hạng đó.

B. Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức thì ta đổi dấu số hạng còn lại.

C. Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức thì ta đổi dấu của tất cả các số hạng trong phép tính.

D. Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức thì ta phải đổi dấu số hạng đó.

Câu 7. Số nghịch đảo của số $-0,8$ là:

- A. 0,8. B. $-\frac{8}{10}$. C. $-\frac{5}{4}$. D. $\frac{5}{4}$.

Câu 8. Kết quả của phép tính $\left(\frac{1}{2022}\right)^{36} \cdot 2022^{36}$ là:

- A. 2022; B. $\frac{1}{2022}$. C. 1. D. $\frac{1}{4044}$.

Câu 9. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng là

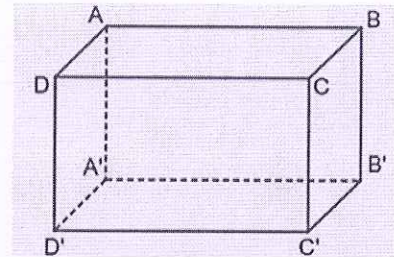
- A. các hình bình hành. C. các hình chữ nhật.
B. các hình thang cân. D. các hình vuông.

Câu 10. Hình lăng trụ đứng tam giác có số cạnh là:

- A. 8. B. 12. C. 9. D. 10.

Câu 11. Hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có mặt $BB'C'C$ là hình gì?

- A. Hình vuông. B. Hình chữ nhật.
C. Hình bình hành. D. Hình thoi.



Hình 1

Câu 12. Công thức tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật với chiều dài là a , chiều rộng là b , chiều cao là c (a, b, c cùng đơn vị đo) là:

- A. $S_{xq} = 2.(a + b).c$. B. $S_{xq} = (a + b).c$. C. $S_{xq} = 2.(a + b + c)$. D. $S_{xq} = 2.(a + c).b$.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm).

Bài 1. (2 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

- a) $\frac{5}{12} + \frac{-7}{24} + \frac{3}{8}$ b) $\frac{-5}{17} \cdot \frac{31}{33} + \frac{-5}{17} \cdot \frac{2}{33} + 2\frac{5}{17}$ c) $15 \cdot \left(\frac{2}{3}\right)^2 + \left(\frac{23}{6}\right)^0 \cdot \frac{24}{16} - 2\frac{2}{3}$

Bài 2. (2 điểm) Tìm x , biết:

- a) $(-2,5) - x = \frac{15}{6}$. b) $\frac{3}{4} + \frac{4}{10}x = \frac{29}{60}$. c) $5x - \frac{5}{6} = 3x + \frac{2}{3}$

Bài 3. (1 điểm) Cô Hiền mua một chiếc tủ lạnh Samsung có hai cánh dung tích 518 lít tại siêu thị Điện máy xanh với giá niêm yết 42 triệu đồng. Tại thời điểm mua cửa hàng đang có chương trình khuyến mãi 10% trên giá niêm yết. Do cô Hiền là khách hàng thân thiết nên được giảm thêm 2% trên tổng giá trị hóa đơn. Hỏi cô Hiền phải thanh toán cho cửa hàng bao nhiêu tiền?

Bài 4. (1 điểm). Hãy tính thể tích một bể bơi có dạng một hình hộp chữ nhật có chiều dài 20 m; chiều rộng 12m; chiều sâu 3m?

Bài 5. (1,0đ). Cho số hữu tỉ $y = \frac{2a-4}{3}$ (a là số nguyên). Với giá trị nào của a thì :

- a) y là số nguyên?
b) y không là số hữu tỉ âm cũng không là số hữu tỉ dương?

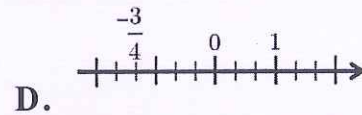
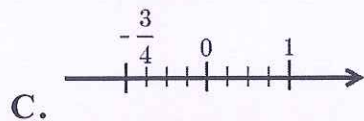
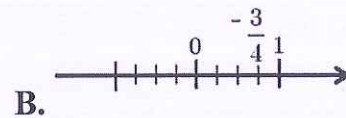
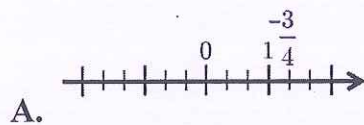
----- HẾT -----

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm). Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1. Số đối của $\frac{-4}{3}$ là

- A. $\frac{3}{4}$. B. $\frac{-3}{4}$. C. $\frac{-4}{3}$. D. $\frac{4}{3}$.

Câu 2. Cách biểu diễn số $\frac{-3}{4}$ trên trục số nào dưới đây đúng?



Câu 3. Phân số nào sau đây viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn?

- A. $\frac{3}{7}$. B. $\frac{3}{8}$. C. $-\frac{4}{20}$. D. $\frac{2}{5}$.

Câu 4. Giá trị của $(2^2)^2$ bằng

- A. 8. B. 16. C. 4. D. 12.

Câu 5. Số không phải số hữu tỉ là

- A. 8,2. B. $\frac{-9}{0}$. C. $5\frac{1}{8}$. D. $\frac{-3}{4}$.

Câu 6. Sắp xếp các số hữu tỉ $0; \frac{-2}{3}; \frac{6}{7}$ theo thứ tự tăng dần:

- A. $0; \frac{-2}{3}; \frac{6}{7}$. B. $\frac{-2}{3}; 0; \frac{6}{7}$. C. $\frac{-2}{3}; \frac{6}{7}; 0$. D. $\frac{6}{7}; 0; \frac{-2}{3}$.

Câu 7. Số nghịch đảo của số $-0,4$ là:

- A. 0,4. B. $\frac{-4}{10}$. C. $-\frac{5}{2}$. D. $\frac{5}{2}$.

Câu 8. Kết quả của phép tính $\left(\frac{1}{2022}\right)^{30} \cdot 2022^{30}$ là:

- A. 2022; B. $\frac{1}{2022}$. C. 1. D. $\frac{1}{4044}$.

Câu 9. Mặt đáy của hình lăng trụ đứng tam giác là

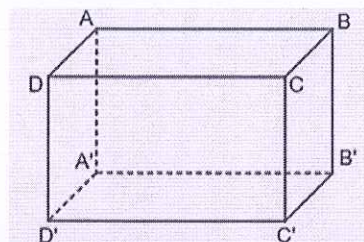
- A. hình tam giác. C. hình bình hành.
B. hình thang cân. D. hình vuông.

Câu 10. Hình lăng trụ đứng tứ giác có số cạnh là:

- A. 8. B. 12. C. 9. D. 10.

Câu 11. Hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có mặt $AA'D'D$ là hình gì?

- A. Hình vuông. B. Hình chữ nhật.
C. Hình bình hành. D. Hình thoi.



Hình 1

Câu 12. Công thức tính diện tích xung quanh của hình lập phương với cạnh là a :

- A. $S_{xq} = 2a^2$. B. $S_{xq} = 4a$. C. $S_{xq} = 4a^2$. D. $S_{xq} = 2a^3$.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm).

Bài 1. (2 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

a) $\frac{7}{12} + \frac{-5}{24} + \frac{1}{8}$ b) $\frac{-7}{18} \cdot \frac{21}{23} + \frac{-7}{18} \cdot \frac{2}{23} + 2\frac{7}{18}$ c) $180 \cdot \left(\frac{1}{3}\right)^2 + \left(\frac{15}{6}\right)^0 \cdot \frac{15}{25} - 2\frac{1}{2}$

Bài 2. (2 điểm) Tìm x , biết:

a) $(-3,5) - x = \frac{9}{6}$. b) $\frac{2}{5} + \frac{6}{10}x = \frac{-24}{60}$. c) $4x - \frac{5}{6} = 2x + \frac{2}{3}$

Bài 3. (1 điểm) Nhân dịp khai trương một cửa hàng quần áo giảm giá 10% tất cả các sản phẩm và giảm thêm 5% trên tổng hóa đơn khi mua từ 2 sản phẩm trở lên. Cô Nga mua một chiếc áo giá 320.000 đồng và một chiếc quần giá 210.000 đồng. Hỏi cô Nga phải thanh toán cho cửa hàng bao nhiêu tiền?

Bài 4. (1 điểm). Hãy tính thể tích một bể bơi có dạng một hình hộp chữ nhật có chiều dài 20 m; chiều rộng 15m; chiều sâu 3m?

Bài 5. (1,0đ). Cho số hữu tỉ $y = \frac{2a-4}{5}$ (a là số nguyên). Với giá trị nào của a thì :

a) y là số nguyên?

b) y không là số hữu tỉ âm cũng không là số hữu tỉ dương?

----- HẾT -----